



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung:

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 492031000061 do Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20/09/2007, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 07/01/2019.

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 vnd

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: 84-254-392.36.36/7/8 Fax: 84-254-392.38.89

Email: tnsteel@tnsteel.vn

Website: www.tnsteel.vn

Thiết bị chính được đầu tư theo công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất của Mỹ do nhà sản xuất máy cán nguội uy tín và chuyên nghiệp INTERGRATED INDUSTRIAL SYSTEMS (I²S) với công suất vận hành: 200.000 tấn / năm. Đặc điểm nổi bật nhất của máy cán nguội 4 trục đảo chiều bao gồm:

1. Hệ thống tự động điều khiển độ dày của thép (automatic gage control system)
2. Hệ thống tự động điều khiển độ phẳng của thép (ABB automatic flatness control system)
3. Hệ thống biến tần ACS 800 của ABB
4. General Electric RX7i Programmable Logic Controller

Máy cán được thiết kế với 2 truyền động độc lập cho 2 trục cán, giúp dễ dàng điều khiển 2 trục cán (trục trên và trục dưới) có cùng vận tốc dài trong quá trình cán ngay cả trong trường hợp 2 trục cán có đường kính khác nhau, đặc điểm này rất quan trọng trong việc kiểm soát Tension và loại bỏ khả năng trượt trong khi cán. Đồng thời máy cán cũng được trang bị 2 trục Shapemeter roll ở đầu vào và đầu ra của máy cán giúp cho máy cán có thể điều chỉnh được thông số độ phẳng một cách tối ưu nhất mà các máy thế hệ cũ không được trang bị đầy đủ, đây cũng là thông số quan trọng nhất mà các khách hàng sử dụng thép cán nguội quan tâm. Đặc điểm sản phẩm thép cuộn cán nguội của TNFS như sau:

Chiều dày: 0,15 ÷ 1,8 mm

Chiều rộng: 650 ÷ 1.250 mm



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Tất cả các sản phẩm của Công ty CP thép tấm lá Thông Nhất được sản xuất và kiểm tra theo các quy trình nghiêm ngặt trước khi xuất xưởng giao cho khách hàng và đạt theo tiêu chuẩn quốc tế của Nhật Bản là JIS G3141:11.

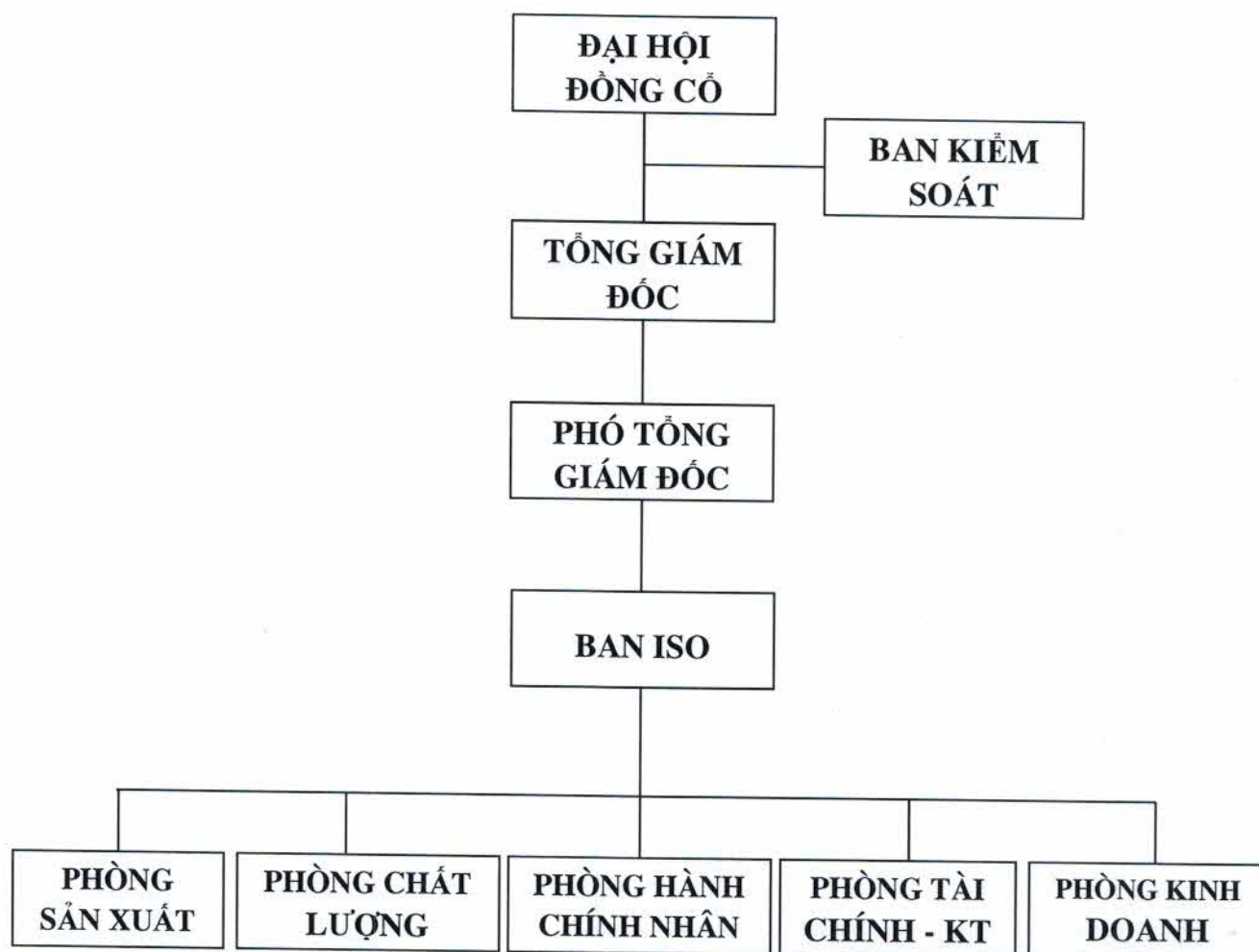
Với đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, đa phần đã có kinh nghiệm nhiều năm làm việc tại các nhà máy cán nguội lớn và được đào tạo bởi các chuyên gia hàng đầu thế giới tại Mỹ, được tổ chức và hoạt động theo tinh thần Teamwork. Công ty luôn cam kết với các đối tác cũng như khách hàng về việc đem lại những sản phẩm chất lượng tốt nhất và dịch vụ hoàn hảo nhất, luôn hướng đến và xem lợi ích cũng như thành công của khách hàng là lợi ích và thành công của mình.

Với mong muốn trở thành một trong những công ty thép sản xuất thép tấm lá hàng đầu Việt Nam và khu vực, slogan “ More satisfied – Hài lòng hơn nữa” của TNS thể hiện chính sách nhất quán và phương châm kinh doanh là hướng về lợi ích của khách hàng, thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng. Khách hàng sẽ ngày càng hài lòng khi càng hợp tác với TNS, không những về chất lượng sản phẩm mà cả cung cách phục vụ và TNS luôn tuân thủ và thực hiện các cam kết với khách hàng.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Cơ cấu bộ máy quản lý.



II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

1. Tình hình sản xuất:

- Công ty tập trung bán hàng và gia công cho hầu hết các công ty tôn mạ tại Việt Nam với tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong 12 tháng năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ so sánh	
		KH năm	Lũy kế	% So với KH năm	+/- So với cùng kỳ
Sản xuất (tấn)	107,332	100,000	137,270	137.27%	127.89%
Tiêu thụ (tấn)	109,004	100,000	136,525	136.52%	125.25%



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

+ Đánh giá kết quả:

Tổng sản lượng chính phẩm sản xuất năm 2020 đạt **137,270** tấn, đạt **137.27%** so với kế hoạch năm, tăng 27,89% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng bán hàng đạt **136,525** tấn, đạt **136.52%** so với kế hoạch năm, tăng 25,25% so với cùng kỳ.

Tổng sản lượng sản xuất chính phẩm giảm 25,81% so với 2019 chủ yếu là do một số đơn vị lớn như Tôn Đông Á, Nam Kim ... đã khai thác tốt hiệu suất của dây chuyền thiết bị của mình, ngoài ra một số đơn vị khác cũng đã tham gia vào quá trình mua nguyên liệu HRC để gia công do vậy làm giảm lượng chính phẩm và tăng lượng gia công lên 128,4% so với năm 2019.

2. Tình hình tài chính, công nợ:

Doanh thu Thuần bán hàng và Cung cấp dịch vụ là : 877,598 tỷ đồng, lợi nhuận 12 tháng sau thuế lãi 9,717 tỷ đồng.

Lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 196,897 tỷ. Vốn chủ sở hữu 3,872 tỷ.

Tổng nợ tự trả đến 31/12/2020 là: 44,039 tỷ đồng. Trong đó: 39,355 tỷ đồng cho các đơn vị CFC, VCB, Tổng công ty, HMC, Tennova và PFS. Và trả nợ mua nguyên vật liệu cho trả Vinaone là: 184 triệu đồng và trả tiền gia công ứng trước của TPN là 4,5 tỷ.

3. Về tình hình công tác tổ chức sản xuất, Kỹ thuật, tiêu hao nguyên vật liệu

- Năm 2020 công tác bảo trì, công tác chuẩn bị và dự phòng vật tư/ phụ tùng được thực hiện tốt nên dây chuyền cán và cuộn lại hoạt động ổn định, ít sự cố đứt lệch băng thép nhờ vậy đa số các chỉ tiêu KTKT đều thực hiện thấp hơn hoặc sát với định mức như tiêu hao kim loại, dầu cán, trục làm việc.

- Tuy nhiên có chỉ tiêu điện năng cao hơn định mức với nguyên nhân chính sau:

- Chỉ tiêu Điện năng thực hiện cao hơn so với định mức chủ yếu rơi vào các tháng có sản xuất các đơn hàng mỏng $\leq 0,20\text{mm}$ (ước năm 2020 là 5.693 tấn, chiếm 4,3% tổng sản lượng, cao hơn 111% so với 2019), ngoài ra việc thiếu size cán trung gian bắt buộc phải cán nhiều pass cũng làm thực hiện cao hơn so với định mức..

4. Về công tác quản trị:

Trong tình hình khó khăn liên tục và kéo dài nhưng Cty vẫn giữ được đội ngũ CBCNV chủ chốt, xây dựng tinh gọn tập thể đoàn kết, Tổng số CBCNV năm 2020 là 87 người, giữ nguyên so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân năm 2020 là 14,225 triệu đồng/người/tháng.

Các chế độ chính sách cho NLD được chăm lo và duy trì thực hiện tốt. Trong năm 2020, công ty cũng đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV, mua bảo hiểm PTI cho toàn bộ CBCNV, cấp đồng phục, do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nên tổ chức phát tiền nghỉ mát CBCNV (do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, nên năm 2020 cty không tổ chức đi du lịch cho CBCNV) thay vào đó là phát tiền mặt cho CBCNV, thực hiện thường xuyên công tác phòng chống dịch bệnh, phối hợp ban an toàn lao động



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

kiểm tra nhắc nhở thực hiện công tác an toàn lao động vệ sinh trong toàn nhà máy, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Công ty đã duy trì áp dụng hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001: 2015 và được Quacert đánh giá giám sát lại đạt yêu cầu chứng nhận ISO 9001: 2015 trong năm 2020. Thường xuyên cập nhật hỗ trợ cổ đông thay đổi thông tin, đăng ký lưu ký để thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5. Tình hình kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh: Tổng sản lượng tiêu thụ 12 tháng đạt 136,525 tấn chiếm 136,52 % kế hoạch năm 2019. Doanh thu thuần đạt 877,598 tỷ đồng; Lãi 9,717 tỷ đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện		
		2019	2020	% tăng giảm
1	Tổng sản giá trị tài sản (triệu đồng)	389.135	398.261	+2,3%
2	Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.067.984	877.598	-17,8%
3	Lợi nhuận từ SXKD (triệu đồng)	-29.623	9.504	132,08%
4	Lợi nhuận khác (triệu đồng)	-679	212	131,25%
5	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	-30.303	9.717	132,07%
6	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	-30.303	9.717	132,07%
Các chỉ tiêu		Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn		0,2 lần	0,3 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn		0,07 lần	0,1 lần	

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	101,5%	99,03%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	197,5%	197,2%	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán (triệu đồng)</u>	17,96 lần	14,57 lần	
<u>Hàng tồn kho bình quân(triệu đồng)</u>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,74 lần	2,29 lần	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-2,84%	1,11%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-15,15%	4,86%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	-7,79%	2,43%	
	-2,77%	2,59%	

III. Đánh giá hội Đồng quản trị của Công Ty:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 gồm 6 thành viên:

1. Ông Trần Ngọc Tuấn - Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Huy Thọ - Ủy viên
3. Ông Lê Việt - Ủy viên
4. Bà Trần Thanh Hương - Ủy viên
5. Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân - Ủy viên
6. Ông Lại Văn Quyền - Ủy viên



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Căn cứ vào điều lệ và tình hình hoạt động của công ty, chúng tôi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị thực hiện trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

1. Tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2020 :

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 ngày 23 tháng 6 năm 2020, Hội đồng quản trị đã bám sát diễn biến của thị trường cũng như tình hình tài chính của công ty để đưa ra những quyết sách phù hợp, lãnh đạo Công ty vượt qua khó khăn, sản lượng tiêu thụ năm 2020 là 136.525 tấn đạt tỉ lệ 136,5% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế 9,717 tỷ đồng

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị:

Nhằm theo sát tình hình hoạt động của công ty, kịp thời đề ra các chủ trương, chỉ đạo điều hành phù hợp với diễn biến nền kinh tế, trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã tiến hành nhiều cuộc họp qua đó một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được Hội đồng quản trị thông qua như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ	23/6/2020	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty CP thép tấm lá Thông Nhất.
2	01/NQ.HĐQT2020	24/03/2020	Thông qua chương trình, nội dung chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, thời gian tổ chức đại hội vào 7h30 ngày 10/4/2020.
3	02/NQ.HĐQT2020	26/03/2020	Thông qua về việc hoãn thời gian tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Thép Tấm Lá Thông Nhất vào ngày 10/4/2020 như đã thông báo. Lí do hoãn: do tình hình của dịch Covid-19 tại Việt Nam.
4	03/NQ.HĐQT2020	28/05/2020	Thông qua chủ trương tổ chức lại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2020, thay cho kế hoạch



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

			cũ dự kiến tổ chức trước đó vào ngày 10/4/2020. Thời gian tổ chức: 7g30 ngày 23/06/2020.
5	04/NQ.HĐQT2020	23/06/2020	Đồng ý chọn CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty năm 2020.
6	05/NQ.HĐQT2020	23/9/2020	Thông qua quyết định phân công nhiệm vụ cho các Thành viên Hội đồng quản trị.

2.2. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị :

- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn ; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận cao của các cổ đông.
- Việc công bố thông tin đảm bảo chính xác, kịp thời và tuân thủ về nội dung

2.3. Công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc :

- Trong năm 2020 Tổng Giám Đốc đã điều hành và thực hiện tốt các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổng giám đốc báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị trong các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng Quý, qua thư điện tử và điện thoại về tình hình tài chính, hoạt động SXKD của công ty và thị trường giúp Hội đồng quản trị tham gia ý kiến hoặc chỉ đạo trực tiếp kịp thời và hiệu quả đối với các vấn đề phát sinh quan trọng hoặc đột xuất.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các công việc sau :
- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Tập trung chỉ đạo, giám sát chặt chẽ và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt trong các công tác triển khai các kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tài chính.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổ chức các cuộc họp bất thường (có thể qua văn bản, điện thoại) để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

IV. Hoạt Động Của Ban Kiểm Soát:

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- Thực hiện giám sát các hoạt động, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.

- Thực hiện giám sát tính hợp pháp, hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020;

- Kiểm tra soát xét các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

2. Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát năm 2020.

a. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, ban điều hành công ty

- Năm 2020, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được quyết nghị trong nghị quyết Đại hội cổ đông. Các hoạt động của HĐQT đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức, nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Các chủ trương, quyết định của HĐQT về việc tổ chức điều hành, quản lý, giám sát việc sản xuất kinh doanh của Công ty đều thực hiện trên cơ sở mục tiêu đã được Đại hội cổ đông thông qua.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020: Sản lượng sản xuất đạt 137,3%, tiêu thụ đạt 136,5% kế hoạch. Lợi nhuận trước và sau thuế lãi 9,717 tỷ đồng.

- Về công tác quản lý, điều hành: Ban điều hành thường xuyên chỉ đạo tăng cường kiểm tra, quản lý, sắp xếp sản xuất và giám sát chất lượng sản phẩm. Hợp định kỳ báo cáo tình hình sản xuất và có biện pháp xử lý kịp thời phục vụ cho việc hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Tình hình tài chính 31/12/2020

- Báo cáo tài chính 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) là đơn vị được UBCKNN chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, hợp pháp.

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty:

Stt	Chi tiêu	Ngày 31/12/2020	Tỷ lệ (%)	Ngày 01/01/2020	Tỷ lệ (%)
A	TỔNG TÀI SẢN	398.261.408.075	100	389.135.441.434	100
I	Tài sản ngắn hạn	106.113.313.046	26,64	68.392.577.075	17,58
1	Tiền và các khoản tương đương	11.394.473.714	2,86	17.828.849.739	4,59
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	22.202.373.936	5,57	2.925.466.216	0,75
3	Hàng tồn kho	70.535.878.701	17,71	46.832.735.233	12,03
4	Tài sản ngắn hạn khác	1.980.586.695	0,50	805.525.887	0,21
II	Tài sản dài hạn	292.148.095.029	73,36	320.742.864.359	82,42
B	NỢ PHẢI TRẢ	394.389.230.702	100	394.979.903.905	100
1	Nợ ngắn hạn	314.658.740.736	79,78	310.699.413.939	78,66
2	Nợ dài hạn	79.730.489.966	20,22	84.280.489.966	21,34
C	VỐN CHỦ SỞ HỮU (A-B)	3.872.177.373		(5.844.462.471)	

Năm tài chính kết thúc, Công ty lãi 9,717 tỷ đồng và số lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2020 là 196,90 tỷ đồng. Ngoài ra tại thời điểm ngày 31/12/2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 208,55 tỷ đồng.

c. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Trên cơ sở các vấn đề trên, để từng bước nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- Cần xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm phù hợp với năng lực, nguồn lực của Công ty để đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Ban điều hành tiếp tục tập trung cao độ, kiên quyết hơn, bám sát chặt chẽ trong việc quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, tìm mọi biện pháp không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng năng suất lao động thông qua việc quản lý lao động, công nghệ. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân kỹ thuật.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

- Ban điều hành chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ thúc đẩy sản xuất nâng cao giá trị Công ty và Cổ phiếu TNS trên thị trường chứng khoán.

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty, đúng pháp luật.

- Trong năm 2020, tổng nợ đã trả của TNS là 44,039 tỷ đồng. Tuy nhiên nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn làm ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thanh toán của Công ty. Vì vậy trong năm 2021 đề nghị TNS tiếp tục lập phương án và kế hoạch trả nợ.

Kế hoạch công tác năm 2020 của Ban kiểm soát

- Kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong việc:

+ Thực hiện chiến lược của Công ty do ĐH đồng cổ đông, HĐQT thông qua.

+ Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Tham gia soát xét Báo cáo tài chính năm 2021 cùng với kiểm toán độc lập.

- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm cùng với kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán.

Trên đây là những nội dung cơ bản của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên trong ban kiểm soát nhất trí thông qua.

V. Báo cáo tài chính năm 2020:

1. Báo cáo kiểm toán năm 2020

- Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thông Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
				VND	VND
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		106,113,313,046	68,392,577,075
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11,394,473,714	17,828,849,739
111	1.	Tiền		8,730,521,720	15,814,451,321
112	2.	Các khoản tương đương tiền		2,663,951,994	2,014,398,418
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		22,202,373,936	2,925,466,216
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	10,357,934,884	190,040,128
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	3,528,846,797	971,912,200
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	6	8,315,592,255	1,763,513,888
140	IV.	Hàng tồn kho	7	70,535,878,701	46,832,735,233
141	1.	Hàng tồn kho		70,535,878,701	46,832,735,233
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác		1,980,586,695	805,525,887
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	497,947,345	734,356,648
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ		1,427,979,849	18,614,474
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	54,659,501	52,554,765
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		292,148,095,029	320,742,864,359
220	II.	Tài sản cố định		270,357,508,597	296,271,254,012
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	9	270,357,508,597	296,271,254,012
222	-	<i>Nguyên giá</i>		<i>541,369,165,697</i>	<i>540,620,465,697</i>
223	-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		<i>(271,011,657,100)</i>	<i>(244,349,211,685)</i>
260	VI.	Tài sản dài hạn khác		21,790,586,432	24,471,610,347
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	8	21,790,586,432	24,471,610,347
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN			398,261,408,075	389,135,441,434

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
				VND	VND
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		394,389,230,702	394,979,903,905
310	I.	Nợ ngắn hạn		314,658,740,736	310,699,413,939
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	10	113,642,722,676	81,417,895,381
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	3,693,736,486	4,672,840,156
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	-	275,200,796
314	4.	Phải trả người lao động		2,734,672,020	1,777,684,184
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	17,427,794,892	18,613,005,589
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	14	87,740,568,857	82,823,704,321
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	89,309,796,638	120,995,703,705
322	8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi		109,449,167	123,379,807
330	II.	Nợ dài hạn		79,730,489,966	84,280,489,966
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	79,730,489,966	84,280,489,966
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3,872,177,373	(5,844,462,471)
410	I.	Vốn chủ sở hữu	16	3,872,177,373	(5,844,462,471)
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
411a		<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		200,000,000,000	200,000,000,000
418	2.	Quỹ đầu tư phát triển		769,839,744	769,839,744
421	3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(196,897,662,371)	(206,614,302,215)
421a		<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(206,614,302,215)	(176,311,739,887)
421b		<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		9,716,639,844	(30,302,562,328)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			398,261,408,075	389,135,441,434

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Năm 2020					
Mã số	CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
				VND	VND
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	877,661,654,396	1,073,775,548,235
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	19	63,628,977	5,791,213,358
10	3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		877,598,025,419	1,067,984,334,877
11	4.	Giá vốn hàng bán	20	854,876,948,654	1,078,679,065,300
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22,721,076,765	(10,694,730,423)
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	646,263,204	302,058,245
22	7.	Chi phí tài chính	22	4,000,340,232	10,925,628,896
23		<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>3,675,545,767</i>	<i>10,824,578,572</i>
25	8.	Chi phí bán hàng	23	2,190,863,257	1,813,618,224
26	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	7,671,800,233	6,491,268,470
30	10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9,504,336,247	(29,623,187,768)
31	11.	Thu nhập khác	25	771,469,653	13,323
32	12.	Chi phí khác	26	559,166,056	679,387,883
40	13.	Lợi nhuận khác		212,303,597	(679,374,560)
50	14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9,716,639,844	(30,302,562,328)
51	15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
52	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9,716,639,844	(30,302,562,328)
70	18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	486	(1,515)



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

2. Báo cáo luân chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9,716,639,844	(30,302,562,328)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		26,642,462,304	27,856,682,165
03	- Các khoản dự phòng		-	(1,137,304,255)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(341,147,789)	(147,017,600)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(270,950,631)	(148,166,295)
06	- Chi phí lãi vay		3,675,545,767	10,824,578,572
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		39,422,549,495	6,946,210,259
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(20,690,498,379)	195,047,098,118
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(23,703,143,468)	27,583,859,396
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		37,015,096,257	(211,633,236,297)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2,917,433,218	(1,433,216,897)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4,944,713,056)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13,930,640)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30,002,793,427	16,510,714,579
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

21	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(728,716,889)	-
27	2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		273,071,179	146,045,747
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>			<i>(455,645,710)</i>	<i>146,045,747</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1.	Tiền trả nợ gốc vay		(35,981,523,742)	(9,996,133,605)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>			<i>(35,981,523,742)</i>	<i>(9,996,133,605)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm			(6,434,376,025)	6,660,626,721
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm			17,828,849,739	11,168,248,187
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			-	(25,169)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		3	11,394,473,714	17,828,849,739

3. Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020 (kèm theo)

3.1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 01 năm 2019.
- Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 200,000,000,000 đồng; tương đương 20,000,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.
- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 88 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 87 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;



TN FLAT STEEL

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm, Công ty đẩy mạnh hoạt động gia công cuộn cán nguội. Theo đó, hoạt động gia công có doanh thu thấp tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận cao hơn hoạt động sản xuất thành phẩm. Do đó, tuy doanh thu năm 2020 của Công ty giảm 18% nhưng lợi nhuận gộp đã có lãi và đạt mức tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu là 2,59%.
- Tại thời điểm 31/12/2020, lũy kế của Công ty là 196,9 tỷ VND, số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 262,55 tỷ VND, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 208,55 tỷ VND. Tuy nhiên, các khoản nợ vay với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

3.2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

3.2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3.2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.
- *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*
- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3.2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

- Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

- Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3.2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2.6. Các khoản nợ phải thu

- Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.2.7. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

3.2.9. Thuê Hoạt động

- Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.2.10. Chi phí trả trước

- Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

3.2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.2.13. Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.2.14. Chi phí phải trả

- Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.
- Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

3.2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

d. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

e. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

3.2.21. Lãi trên cổ phiếu



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó

3.2.23. Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	403,385,519	441,979,090
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8,327,136,201	15,372,472,231
Các khoản tương đương tiền (*)	2,663,951,994	2,014,398,418
	11,394,473,714	17,828,849,739

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 2.663.951.994 VND được gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu với lãi suất 3,2%/năm.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

3.4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần tôn Đông Á	10,253,409,493	-	-	-
- Công ty Cổ phần TMSX Tôn Tân Phước Khanh	42,619,200	-	42,619,200	-
- Các khách hàng khác	61,906,191	-	147,420,928	-
	<u>10,357,934,884</u>	<u>-</u>	<u>190,040,128</u>	<u>-</u>

3.5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị Quang Minh	1,384,680,000	-	-	-
- Powermax Coparation	1,164,835,840	-	-	-
- Ecco Roller Blobal Co.Ltd	474,282,450	-	240,429,800	-
- Các nhà cung cấp khác	505,048,507	-	731,482,400	-
	<u>3,528,846,797</u>	<u>-</u>	<u>971,912,200</u>	<u>-</u>



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

3.6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi	-	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	63,151,863	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	3,814,925	-	3,814,925	-
Tạm ứng	100,467,707	-	219,130,153	-
Ký cược, ký quỹ ⁽ⁱ⁾	8,082,773,967	-	1,484,242,228	-
Phải thu khác	65,383,793	-	54,206,034	-
	<u>8,315,592,255</u>	<u>-</u>	<u>1,763,513,888</u>	<u>-</u>

3.7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	59,953,922,648	-	43,302,166,607	-
Công cụ, dụng cụ	21,927,001	-	15,881,776	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	3,458,376,000	-
Thành phẩm	10,560,029,052	-	52,105,850	-
Hàng hoá	-	-	4,205,000	-
	<u>70,535,878,701</u>	<u>-</u>	<u>46,832,735,233</u>	<u>-</u>



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

3.8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2020</u> VND	<u>01/01/2020</u> VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	121,817,385	273,349,355
Chi phí sửa chữa	308,356,627	219,216,667
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	67,773,333	241,790,626
	<u>497,947,345</u>	<u>734,356,648</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	7,842,930,009	13,046,850,128
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	13,765,826,167	11,198,925,213
Chi phí trả trước dài hạn khác	181,830,256	225,835,006
	<u>21,790,586,432</u>	<u>24,471,610,347</u>



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

3.9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	74,852,755,884	444,684,042,360	19,925,625,063	1,158,042,390	540,620,465,697
- Mua trong năm	-	430,600,000	-	298,116,889	728,716,889
- Tăng khác	-	-	-	19,983,111	19,983,111
Số dư cuối năm	74,852,755,884	445,114,642,360	19,925,625,063	1,476,142,390	541,369,165,697
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19,117,328,751	205,233,030,824	18,944,678,183	1,054,173,927	244,349,211,685
- Khấu hao trong năm	1,960,456,366	23,716,885,290	941,271,745	23,848,903	26,642,462,304
- Tăng khác	-	-	-	19,983,111	19,983,111
Số dư cuối năm	21,077,785,117	228,949,916,114	19,885,949,928	1,098,005,941	271,011,657,100
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	55,735,427,133	239,451,011,536	980,946,880	103,868,463	296,271,254,012
Tại ngày cuối năm	53,774,970,767	216,164,726,246	39,675,135	378,136,449	270,357,508,597

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 269.979.372.148 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.547.606.277 đồng.

3.10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - VNSTEEL	44,003,673,636	44,003,673,636	45,403,673,636	45,403,673,636
- Công ty Cổ phần tôn Đông Á	36,987,578,100	36,987,578,100	-	-
- Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	22,394,737,936	22,394,737,936	23,875,707,937	23,875,707,937
- Phải trả các nhà cung cấp khác	10,256,733,004	10,256,733,004	12,138,513,808	12,138,513,808
	<u>113,642,722,676</u>	<u>113,642,722,676</u>	<u>81,417,895,381</u>	<u>81,417,895,381</u>
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel	44,003,673,636	44,003,673,636	45,403,673,636	45,403,673,636
- Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	22,335,810,339	22,335,810,339	23,875,707,937	23,875,707,937
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	2,183,266,498	2,183,266,498	2,183,266,498	2,183,266,498
	<u>68,522,750,473</u>	<u>68,522,750,473</u>	<u>71,462,648,071</u>	<u>71,462,648,071</u>
c) Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan	<u>66,398,411,572</u>	<u>66,398,411,572</u>	<u>69,279,381,573</u>	<u>69,279,381,573</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

3.11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC:

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	275,200,796	6,271,677,949	6,546,878,745	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	52,554,765	-	82,109,761	84,214,497	54,659,501	-
Các loại thuế khác	-	-	123,400,000	123,400,000	-	-
	52,554,765	275,200,796	6,477,187,710	6,754,493,242	54,659,501	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

3.12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Tôn Phương Nam	3,625,659,841	4,499,999,993
Công ty TNHH MTV Sản xuất Vĩnh Tiến Phát	53,148,817	53,148,817
Các khách hàng khác	14,927,828	119,691,346
	3,693,736,486	4,672,840,156



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Trong đó: người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

3,625,659,841

4,499,999,993



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

3.13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi		
- vay (*)	17,095,884,259	18,365,051,548
Chi phí phải trả		
- khác	331,910,633	247,954,041
	<u>17,427,794,892</u>	<u>18,613,005,589</u>

(*) Tại thời điểm 31/12/2020, toàn bộ chi phí lãi vay là lãi vay phải trả Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt đã quá hạn thanh toán. Số liệu này được xác định dựa trên số dư nợ gốc và lãi suất đối với từng hợp đồng vay.

3.14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	11,237,862	10,475,378
- Bảo hiểm xã hội	-	2,279,836
- Bảo hiểm y tế	1,955,723	1,955,723
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	17,281,853,288	17,287,690,187
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	16,872,146,408	11,942,689,937
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	20,188,142,638	20,188,142,638
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10,777,915,506	10,777,915,506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	10,158,875,813	10,158,875,813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	12,347,582,441	12,347,582,441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	100,859,178	106,096,862
	<u>87,740,568,857</u>	<u>82,823,704,321</u>
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Lãi vay chậm trả	54,342,142,334	49,418,522,762



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

-	Lãi chậm trả công nợ	33,284,373,760	33,284,373,760
		<u>87,626,516,094</u>	<u>82,702,896,522</u>
	Trong đó: phải trả khác với các		
c)	bên liên quan	<u>53,472,516,398</u>	<u>53,472,516,398</u>
	<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		

3.15. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	120,995,703,705	120,995,703,705	-	31,685,907,067	89,309,796,638	89,309,796,638
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ⁽¹⁾	104,913,922,433	104,913,922,433	-	15,604,125,795	89,309,796,638	89,309,796,638
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	16,081,781,272	16,081,781,272	-	16,081,781,272	-	-
	120,995,703,705	120,995,703,705	-	31,685,907,067	89,309,796,638	89,309,796,638

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

b) Vay dài hạn							
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ⁽¹⁾	104,913,922,433	104,913,922,433	-	15,604,125,795	89,309,796,638	89,309,796,638	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	16,081,781,272	16,081,781,272	-	16,081,781,272	-	-	
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP ⁽²⁾	84,280,489,966	84,280,489,966	-	4,550,000,000	79,730,489,966	79,730,489,966	
	205,276,193,671	205,276,193,671	-	36,235,907,067	169,040,286,604	169,040,286,604	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(120,995,703,705)	(120,995,703,705)	-	(31,685,907,067)	(89,309,796,638)	(89,309,796,638)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	84,280,489,966	84,280,489,966			79,730,489,966	79,730,489,966	

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:
- (a) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 2.992.745 USD, tương đương với 69.476.575.175 VND; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.
- (b) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 19.833.221.463 VND, toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

	Góc	Lãi	Góc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (*)	79,730,489,966	20,188,142,638	84,280,489,966	20,188,142,638
	79,730,489,966	20,188,142,638	84,280,489,966	20,188,142,638

Mối quan hệ:

(*) Cổ đông lớn

3.16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a)	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200,000,000,000	769,839,744	(176,311,739,887)	24,458,099,857
Lỗ trong năm trước	-	-	(30,302,562,328)	(30,302,562,328)
Số dư cuối năm trước	200,000,000,000	769,839,744	(206,614,302,215)	(5,844,462,471)
Số dư đầu năm nay	200,000,000,000	769,839,744	(206,614,302,215)	(5,844,462,471)
Lãi trong năm nay	-	-	9,716,639,844	9,716,639,844
Số dư cuối năm nay	200,000,000,000	769,839,744	(196,897,662,371)	3,872,177,373
b)	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	31.25%	62,494,810,000	31.25%	62,494,810,000
Công ty Tôn Phương Nam	5.00%	10,000,000,000	5.00%	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	7.00%	14,000,000,000	7.00%	14,000,000,000
Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại SMC	7.00%	14,000,000,000	7.00%	14,000,000,000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	6.00%	11,999,090,000	6.00%	11,999,090,000
Các cổ đông khác	43.75%	87,506,100,000	43.75%	87,506,100,000
	100%	200,000,000,000	100%	200,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200,000,000,000	200,000,000,000
Vốn góp đầu năm	200,000,000,000	200,000,000,000
Vốn góp cuối năm	200,000,000,000	200,000,000,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20,000,000	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

e) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	20,000,000
	Các quỹ công ty	10,000
		01/01/2020
		VND
	Quỹ đầu tư phát triển	769,839,744
		769,839,744

3.17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) **Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2008 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 22.400 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) **Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Đồng đô la Mỹ (USD)	204.62	204.62

3.18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	771,393,545,984	1,024,332,391,961
Doanh thu bán phế liệu	22,975,122,311	21,112,022,675
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	83,292,986,101	28,331,133,599
	<u>877,661,654,396</u>	<u>1,073,775,548,235</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>300,065,087,372</u>	<u>534,215,790,016</u>

3.19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	5,501,501,125
Giảm giá hàng bán	63,628,977	289,712,233
	<u>63,628,977</u>	<u>5,791,213,358</u>



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

3.20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	764,155,667,714	1,023,738,647,865
Giá vốn bán phế liệu	23,279,343,106	21,918,831,694
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	67,441,937,834	34,158,889,996
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	-	(1,137,304,255)
	<u>854,876,948,654</u>	<u>1,078,679,065,300</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	<u>85,382,148,112</u>	<u>134,908,823,076</u>
-----------------------	-----------------------	------------------------

3.21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	270,950,631	148,166,295
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	34,164,784	6,874,350
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	341,147,789	147,017,600
	<u>646,263,204</u>	<u>302,058,245</u>

3.22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	3,675,545,767	10,824,578,572
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	324,794,465	101,050,324
	<u>4,000,340,232</u>	<u>10,925,628,896</u>

3.23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5,985,160	5,454,545
Chi phí nhân công	1,906,373,724	1,479,114,000



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Chi phí dịch vụ mua ngoài	278,504,373	327,449,679
Chi phí khác bằng tiền	-	1,600,000
	2,190,863,257	1,813,618,224

3.24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170,465,807	90,564,248
Chi phí nhân công	3,814,992,090	3,205,004,307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103,045,512	103,045,512
Thuế, phí, lệ phí	64,200,000	93,800,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,583,514,567	1,564,902,565
Chi phí khác bằng tiền	1,935,582,257	1,433,951,838
	7,671,800,233	6,491,268,470

3.25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền bán phế liệu	582,876,000	-
Tiền bồi thường bảo hiểm	188,592,879	-
Thu nhập khác	774	13,323
	771,469,653	13,323

3.26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu nộp thuế	99,700,050	15,750,000
Chi phí không đủ hóa đơn, chứng từ	459,466,006	663,637,883
	559,166,056	679,387,883

3.27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,716,639,844	(30,302,562,328)
Các khoản điều chỉnh tăng	559,166,056	679,413,052
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	559,166,056	679,387,883
<i>Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm</i>	-	25,169
Các khoản điều chỉnh giảm	(10,275,805,900)	-
<i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(10,275,805,900)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(29,623,149,276)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

3.28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9,716,639,844	(30,302,562,328)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9,716,639,844	(30,302,562,328)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20,000,000	20,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	486	(1,515)

3.29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Năm 2020	Năm 2019
----------	----------



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	703,507,280,635	935,663,466,987
Chi phí nhân công	17,615,452,352	15,453,944,967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26,642,462,304	27,856,682,165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61,992,469,885	58,408,240,328
Chi phí khác bằng tiền	3,397,437,106	3,709,208,758
	<u>813,155,102,282</u>	<u>1,041,091,543,205</u>

3.30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11,394,473,714	-	17,828,849,739	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18,673,527,139	-	1,953,554,016	-
	<u>30,068,000,853</u>	<u>-</u>	<u>19,782,403,755</u>	<u>-</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	169,040,286,604	205,276,193,671
Phải trả người bán, phải trả khác	201,383,291,533	164,241,599,702
Chi phí phải trả	17,427,794,892	18,613,005,589
	<u>387,851,373,029</u>	<u>388,130,798,962</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020				



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Tiền và các khoản tương đương tiền	11,394,473,714	-	-	11,394,473,714
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18,673,527,139	-	-	18,673,527,139
	30,068,000,853	-	-	30,068,000,853

Tại ngày 01/01/2020

Tiền và các khoản tương đương tiền	17,828,849,739	-	-	17,828,849,739
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1,953,554,016	-	-	1,953,554,016
	19,782,403,755	-	-	19,782,403,755

Rủi Ro Thanh Khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	89,309,796,638	79,730,489,966	-	169,040,286,604



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Phải trả người bán, phải trả khác	201,383,291,533	-	-	201,383,291,533
Chi phí phải trả	17,427,794,892	-	-	17,427,794,892
	<u>308,120,883,063</u>	<u>79,730,489,966</u>	<u>-</u>	<u>387,851,373,029</u>

Tại ngày 01/01/2020

Vay và nợ	120,995,703,705	84,280,489,966	-	205,276,193,671
Phải trả người bán, phải trả khác	164,241,599,702	-	-	164,241,599,702
Chi phí phải trả	18,613,005,589	-	-	18,613,005,589
	<u>303,850,308,996</u>	<u>84,280,489,966</u>	<u>-</u>	<u>388,130,798,962</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3.31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

3.32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Là công ty có 100% vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

- Công ty Tôn Phương Nam (i)
 Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel (ii)

(i) Ông Lê Việt - Ủy viên hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.

(ii) Ông Lại Văn Quyền - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel.

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 15):

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu	300,065,087,372	534,215,790,016
Công ty Tôn Phương Nam	297,220,266,477	521,707,059,047
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	2,844,820,895	12,508,730,969
Mua hàng	85,382,148,112	134,908,823,076
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	-	107,447,370,607
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	85,382,148,112	27,461,452,469

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	66,398,411,572	69,279,381,573
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	44,003,673,636	45,403,673,636
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	22,394,737,936	23,875,707,937
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3,625,659,841	4,499,999,993
Công ty Tôn Phương Nam	3,625,659,841	4,499,999,993
Phải trả ngắn hạn khác	53,472,516,398	53,472,516,398
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	10,158,875,813	10,158,875,813
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	30,966,058,144	30,966,058,144
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	12,347,582,441	12,347,582,441

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:



TN FLAT STEEL

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

Phải trả ngắn hạn khác	53,472,516,398	53,472,516,398
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	10,158,875,813	10,158,875,813
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	30,966,058,144	30,966,058,144
Công ty TNHH MTV thép Tâm lá Phú Mỹ - Vnsteel	12,347,582,441	12,347,582,441

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	417,838,309	358,051,264
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	226,500,000	246,000,000

3.33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC *vn*

vn

NGUYỄN HUY THỌ